CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 606 /QĐ-CHP	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung giá dịch vụ cảng biển tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023; Luật số 140/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024;

Căn cứ Quyết định số 4886/QĐ-CHP ngày 15/12/2025 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) về việc ban hành Biểu giá dịch vụ cảng biển tại Cảng Hải Phòng đối với các Chủ hàng và Chủ tàu vận tải nội địa (gọi tắt là Biểu giá nội);

Căn cứ các văn bản về giá hiện hành của Nhà nước và Cảng Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh doanh - Cảng Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bổ sung phụ thu xếp dỡ hàng hóa theo biến động giá nhiên liệu tại Biểu giá nội.

- Phạm vi áp dụng: Tại Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ và Chi nhánh Cảng Tân Vũ – Cảng Hải Phòng.

- Mức phụ thu được áp dụng theo biến động của giá bán lẻ dầu DO 0.05S-II tại vùng I do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam công bố tại website: www.petrolimex.com.vn.

Giá dầu DO được Cảng Hải Phòng cập nhật vào thời điểm 08 giờ 00 phút hàng ngày để làm căn cứ xác định mức phụ thu.

1. Hàng container

Phụ thu xếp dỡ container tác nghiệp Bãi ↔ Ô tô theo biến động giá nhiên liệu:

ĐVT: Đồng/container

STT	Giá dầu DO (đồng/lít)	Mức phụ thu			
		Container hàng ≤20'	*Container hàng ≥ 40'*	*Container rỗng ≤20'*	*Container rỗng ≥ 40'*
1.	≤ 23.000	0	0	0	0
2.	23.001 – 26.000	50.000	60.000	35.000	50.000
3.	26.001 – 29.000	100.000	120.000	70.000	100.000
4.	29.001 – 32.000	150.000	180.000	105.000	150.000
5.	32.001 – 35.000	200.000	240.000	140.000	200.000

STT	Giá dầu DO (đồng/lít)	Mức phụ thu			
		Container hàng ≤20'	*Container hàng ≥ 40'*	*Container rỗng ≤20'*	*Container rỗng ≥ 40'*
6.	35.001 – 38.000	250.000	300.000	175.000	250.000
7.	38.001 – 41.000	300.000	360.000	210.000	300.000
8.	41.001 – 44.000	350.000	420.000	245.000	350.000
9.	44.001 – 47.000	400.000	480.000	280.000	400.000
10.	47.001 – 50.000	450.000	540.000	315.000	450.000

2. Hàng ngoài container

- Phụ thu xếp dỡ hàng hóa theo biến động giá nhiên liệu đối với các loại hàng hóa quy định tại Biểu 6, Biểu 7 (trừ xe tự hành).

- Tác nghiệp xếp dỡ áp dụng phụ thu:

+ Tàu ↔ Kho, bãi cảng (bao gồm cả chênh lệch Liner/Berth term);

+ Kho, bãi cảng ↔ Ô tô, toa xe, sà lan.

STT	Giá dầu DO (đồng/lít)	Mức phụ thu
1.	≤ 23.000	0
2.	23.001 – 26.000	03% đơn giá xếp dỡ hiện hành
3.	26.001 – 29.000	06% đơn giá xếp dỡ hiện hành
4.	29.001 – 32.000	09% đơn giá xếp dỡ hiện hành
5.	32.001 – 35.000	12% đơn giá xếp dỡ hiện hành
6.	35.001 – 38.000	15% đơn giá xếp dỡ hiện hành
7.	38.001 – 41.000	15% đơn giá xếp dỡ hiện hành
8.	41.001 – 44.000	18% đơn giá xếp dỡ hiện hành
9.	44.001 – 47.000	18% đơn giá xếp dỡ hiện hành
10.	47.001 – 50.000	21% đơn giá xếp dỡ hiện hành

Điều 2. Giá dịch vụ tại Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể **từ ngày 25/3/2026**.

Điều 4. Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ, Giám đốc Chi nhánh Cảng Tân Vũ, Trưởng các phòng, Trưởng Trung tâm liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi ủy quyền để thực hiện./.

Nơi nhận:
- HĐQT Công ty (để b/c);
- Ban điều hành Công ty;
- Như điều 4 (để t/h);
- VPCT (đăng website);
- Lưu: VT, KD.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Nguyễn Tường Anh